

Bộ chỉ số HOSE-Index

Ngày cập nhật: 28/04/2023

HOSE-Index là bộ chỉ số vốn hóa có thể đầu tư được bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. HOSE-Index chiếm hơn 90% giá trị giao dịch và hơn 80% giá trị vốn hóa của toàn thị trường chứng khoán niêm yết tại HOSE.

Cấu trúc Bộ chỉ số HOSE-Index

VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

VNAllshare Sector Indices bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Đặc điểm chung

Mục tiêu

Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ...

Khả năng đầu tư

Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

Thanh khoản

Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

Minh bạch

Bộ chỉ số sử dụng các quy tắc xây dựng và quản lý minh bạch. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index được công bố trên trang chủ của HOSE.

Tần suất tính toán

Bộ chỉ số được tính theo thời gian thực hoặc tại cuối ngày giao dịch.

Xem xét định kỳ

Bán niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

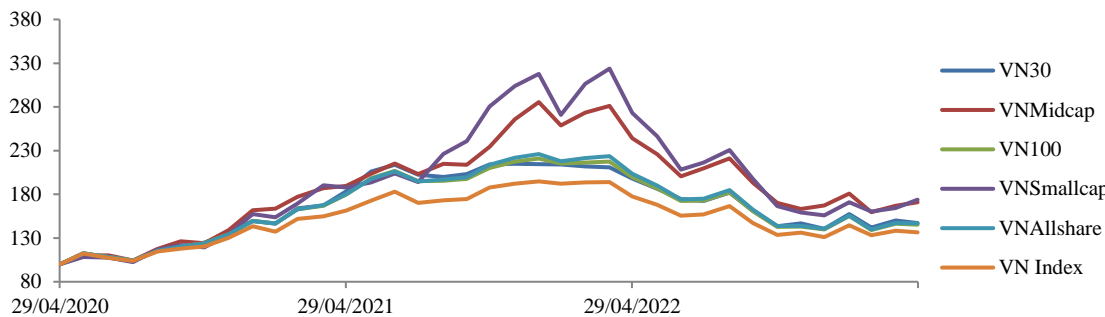
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa

10% (VNAllshare Sector không áp dụng)

Phương pháp tính chỉ số

Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

Tăng trưởng chỉ số từ 29/04/2020 đến 28/04/2023



* Các chỉ số trên được giá lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 29/04/2020

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2020	2021	2022	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	21.25%	48.39%	-38.81%	-0.29%	-5.61%	2.06%	-27.86%	46.78%	4.38%	13.65%	0.86%
VN30	20.73%	40.65%	-35.52%	-2.07%	-6.55%	2.39%	-25.82%	46.99%	2.28%	13.70%	0.45%
VNMidcap	35.92%	72.43%	-42.30%	2.40%	-5.36%	0.53%	-29.94%	71.04%	25.08%	19.59%	4.58%
VN100	20.69%	45.14%	-37.62%	-0.77%	-6.18%	1.86%	-27.06%	45.44%	2.80%	13.30%	0.55%
VNSmallcap	37.64%	97.79%	-51.74%	5.80%	1.73%	4.50%	-36.28%	73.92%	36.86%	20.26%	6.48%
VN-Index	14.19%	33.72%	-33.99%	-1.46%	-5.59%	2.06%	-23.24%	36.41%	-0.11%	10.90%	-0.02%

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	9.42%	17.84%	26.73%	39.66%	47.70%
VN30	9.39%	18.19%	26.30%	40.04%	48.83%
VNMidcap	10.58%	19.02%	30.04%	49.84%	55.70%
VN100	9.51%	18.01%	26.75%	41.72%	49.51%
VNSmallcap	9.21%	17.53%	29.01%	43.02%	47.02%
VN-Index	8.31%	15.78%	24.25%	37.09%	45.48%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	98.55%	98.64%	98.93%	98.89%	98.15%
VN30	98.32%	98.76%	98.31%	97.41%	97.25%
VNMidcap	92.82%	91.90%	93.92%	78.73%	79.71%
VN100	98.65%	98.83%	98.98%	93.96%	95.09%
VNSmallcap	86.47%	85.39%	88.98%	83.31%	80.73%

Đặc điểm chỉ số

	VNAllshare	VN30	VNMidcap	VN100	VNSmallcap
Số lượng cổ phiếu thành phần	323	30	70	100	223
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,000,688	3,026,788	740,516	3,767,304	233,384
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,565,723	1,007,778	440,055	1,447,833	117,891
Trung bình	4,847	33,593	6,286	14,478	529
Cao nhất	93,515	93,515	45,631	93,515	3,414
Thấp nhất	13	2,488	381	381	13
Trung vị	606	25,723	3,140	5,195	295
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	5.97%	9.28%	10.37%	6.46%	2.90%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	40.16%	62.40%	47.86%	43.43%	21.90%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chi khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452

Website: www.hsx.vn



VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

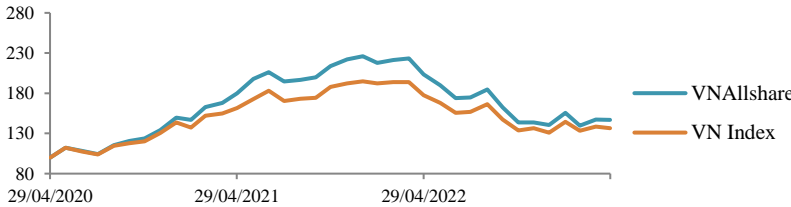
Đặc điểm chỉ số

	323
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,000,688
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,565,723
Trung bình	4,847
Cao nhất	93,515
Thấp nhất	13
Trung vị	606
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	5.97%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	40.16%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNAllshare: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNAllshareTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 29/04/2020 đến 28/04/2023



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 29/04/2020

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	9.42%	17.84%	26.73%	39.66%	47.70%

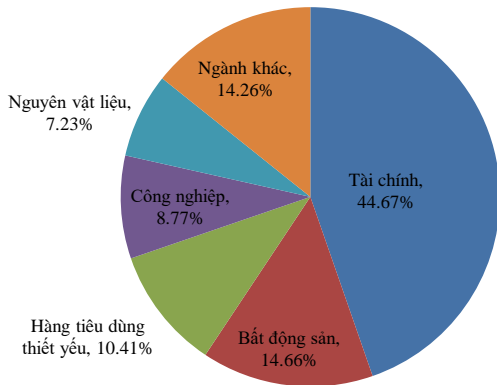
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	98.55%	98.64%	98.93%	98.89%	98.15%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2020	2021	2022	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNAllshare	21.25%	48.39%	-38.81%	-0.29%	-5.61%	2.06%	-27.86%	46.78%	4.38%	13.65%	0.86%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VPB	Tài chính	93,515	5.97%
2	FPT	Công nghệ thông tin	72,267	4.62%
3	ACB	Tài chính	69,474	4.44%
4	HPG	Nguyên vật liệu	69,240	4.42%
5	TCB	Tài chính	67,443	4.31%
6	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	58,519	3.74%
7	VHM	Bất động sản	53,885	3.44%
8	VIC	Bất động sản	49,677	3.17%
9	STB	Tài chính	47,696	3.05%
10	VCB	Tài chính	47,112	3.01%
	Tổng cộng		628,827	40.16%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	37	699,451	44.67%
Bất động sản	43	229,545	14.66%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	26	162,960	10.41%
Công nghiệp	85	137,266	8.77%
Nguyên vật liệu	52	113,199	7.23%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

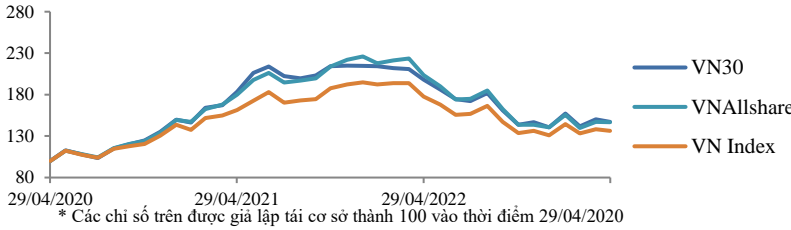


VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNIAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	30
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	3,026,788
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,007,778
Trung bình	33,593
Cao nhất	93,515
Thấp nhất	2,488
Trung vị	25,723
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	9.28%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	62.40%

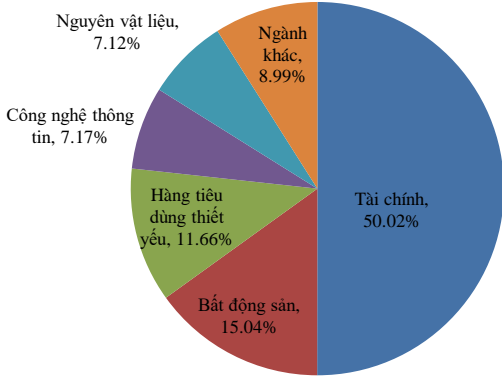
Tăng trưởng chỉ số từ 29/04/2020 đến 28/04/2023



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2020	2021	2022	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VN30	20.73%	40.65%	-35.52%	-2.07%	-6.55%	2.39%	-25.82%	46.99%	2.28%	13.70%	0.45%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	13	504,087	50.02%
Bất động sản	6	151,612	15.04%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	3	117,485	11.66%
Công nghệ thông tin	1	72,267	7.17%
Nguyên vật liệu	2	71,728	7.12%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009
 Giá trị cơ sở: 313.34
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VN30: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VN30TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	9.39%	18.19%	26.30%	40.04%	48.83%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	98.32%	98.76%	98.31%	97.41%	97.25%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VPB	Tài chính	93,515	9.28%
2	FPT	Công nghệ thông tin	72,267	7.17%
3	ACB	Tài chính	69,474	6.89%
4	HPG	Nguyên vật liệu	69,240	6.87%
5	TCB	Tài chính	67,443	6.69%
6	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	58,519	5.81%
7	VHM	Bất động sản	53,885	5.35%
8	VIC	Bất động sản	49,677	4.93%
9	STB	Tài chính	47,696	4.73%
10	VCB	Tài chính	47,112	4.67%
	Tổng cộng		628,827	62.40%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNIAllshare" và "VNIAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

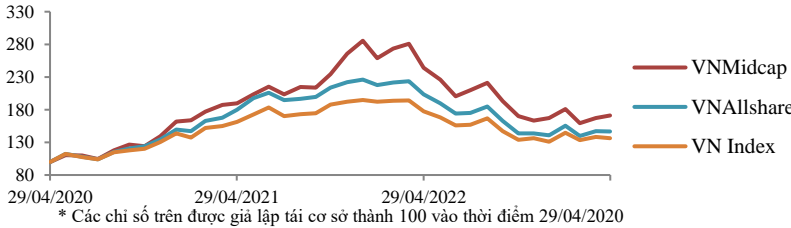


VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	70
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	740,516
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	440,055
Trung bình	6,286
Cao nhất	45,631
Thấp nhất	381
Trung vị	3,140
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	10.37%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	47.86%

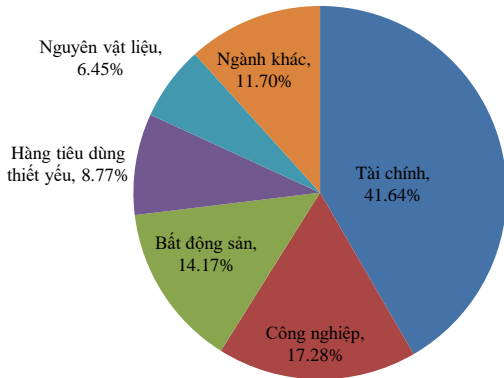
Tăng trưởng chỉ số từ 29/04/2020 đến 28/04/2023



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2020	2021	2022	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	35.92%	72.43%	-42.30%	2.40%	-5.36%	0.53%	-29.94%	71.04%	25.08%	19.59%	4.58%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	11	183,218	41.64%
Công nghiệp	17	76,035	17.28%
Bất động sản	13	62,345	14.17%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7	38,575	8.77%
Nguyên vật liệu	9	28,403	6.45%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNMidcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNMidcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	10.58%	19.02%	30.04%	49.84%	55.70%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	92.82%	91.90%	93.92%	78.73%	79.71%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	SSB	Tài chính	45,631	10.37%
2	SHB	Tài chính	27,479	6.24%
3	EIB	Tài chính	22,307	5.07%
4	LPB	Tài chính	20,576	4.68%
5	PNJ	Hàng tiêu dùng	20,205	4.59%
6	MSB	Tài chính	18,800	4.27%
7	GMD	Công nghiệp	14,267	3.24%
8	KDH	Bất động sản	13,885	3.16%
9	KBC	Bất động sản	13,863	3.15%
10	VND	Tài chính	13,609	3.09%
	Tổng cộng		210,623	47.86%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

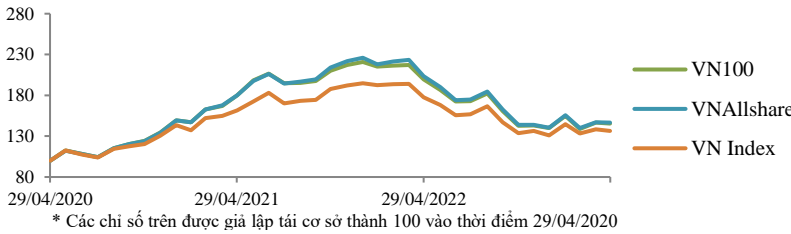


VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

Đặc điểm chỉ số

	100
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	3,767,304
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,447,833
Trung bình	14,478
Cao nhất	93,515
Thấp nhất	381
Trung vị	5,195
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	6.46%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	43.43%

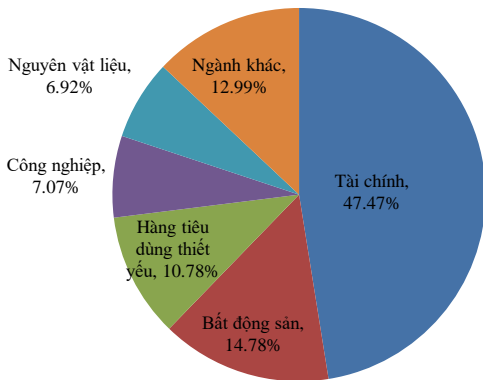
Tăng trưởng chỉ số từ 29/04/2020 đến 28/04/2023



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2020	2021	2022	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VN100	20.69%	45.14%	-37.62%	-0.77%	-6.18%	1.86%	-27.06%	45.44%	2.80%	13.30%	0.55%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	24	687,305	47.47%
Bất động sản	19	213,956	14.78%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	10	156,060	10.78%
Công nghiệp	18	102,303	7.07%
Nguyên vật liệu	11	100,130	6.92%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VN100: Theo thời gian thực (5 giây/lần)
 - VN100TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	9.51%	18.01%	26.75%	41.72%	49.51%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	98.65%	98.83%	98.98%	93.96%	95.09%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VPB	Tài chính	93,515	6.46%
2	FPT	Công nghệ thông tin	72,267	4.99%
3	ACB	Tài chính	69,474	4.80%
4	HPG	Nguyên vật liệu	69,240	4.78%
5	TCB	Tài chính	67,443	4.66%
6	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	58,519	4.04%
7	VHM	Bất động sản	53,885	3.72%
8	VIC	Bất động sản	49,677	3.43%
9	STB	Tài chính	47,696	3.29%
10	VCB	Tài chính	47,112	3.25%
	Tổng cộng		628,827	43.43%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

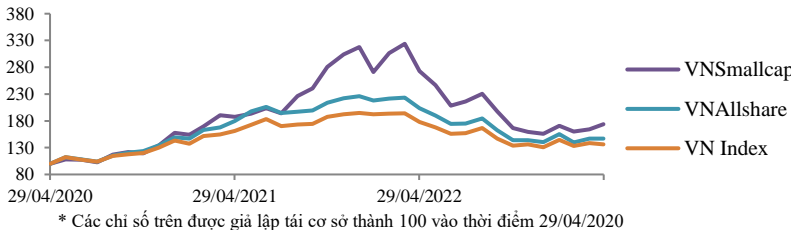
Đặc điểm chỉ số

	223
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	233,384
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	117,891
Trung bình	529
Cao nhất	3,414
Thấp nhất	13
Trung vị	295
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	2.90%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	21.90%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNSmallcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNSmallcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 29/04/2020 đến 28/04/2023



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	9.21%	17.53%	29.01%	43.02%	47.02%

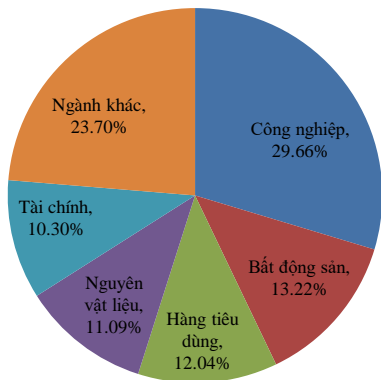
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	98.65%	98.83%	98.98%	93.96%	95.09%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2020	2021	2022	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	37.64%	97.79%	-51.74%	5.80%	1.73%	4.50%	-36.28%	73.92%	36.86%	20.26%	6.48%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VSC	Công nghiệp	3,414	2.90%
2	HDC	Bất động sản	3,211	2.72%
3	DBD	Chăm sóc sức khỏe	2,748	2.33%
4	TDM	Dịch vụ tiện ích	2,667	2.26%
5	HHV		2,571	2.18%
6	EVF		2,548	2.16%
7	ORS	Tài chính	2,366	2.01%
8	HAH	Công nghiệp	2,307	1.96%
9	LCG	Công nghiệp	2,005	1.70%
10	TNH	Chăm sóc sức khỏe	1,982	1.68%
	Tổng cộng		25,819	21.90%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	67	34,963	29.66%
Bất động sản	24	15,588	13.22%
Hàng tiêu dùng	32	14,190	12.04%
Nguyên vật liệu	41	13,068	11.09%
Tài chính	13	12,146	10.30%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



Sơ lược Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index

Tiêu chí sàng lọc:

1. Tư cách:

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE tối thiểu 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng 03 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.

2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float): Cổ phiếu phải có tỷ lệ free-float cao hơn 10%.

3. Thanh khoản: Cổ phiếu phải có tỷ suất quay vòng chứng khoán tối thiểu là 0.05%.

Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

1. VNAllshare: Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

2. VN30:

- **Tư cách tham gia vào VN30:** Thuộc tập hợp top 90% Giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare và không thuộc diện bị cảnh báo.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

4. VN100: Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

5. VNSmallcap: Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

Chuẩn phân ngành GICS®

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P trực tiếp phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE : www.hsx.vn.

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

